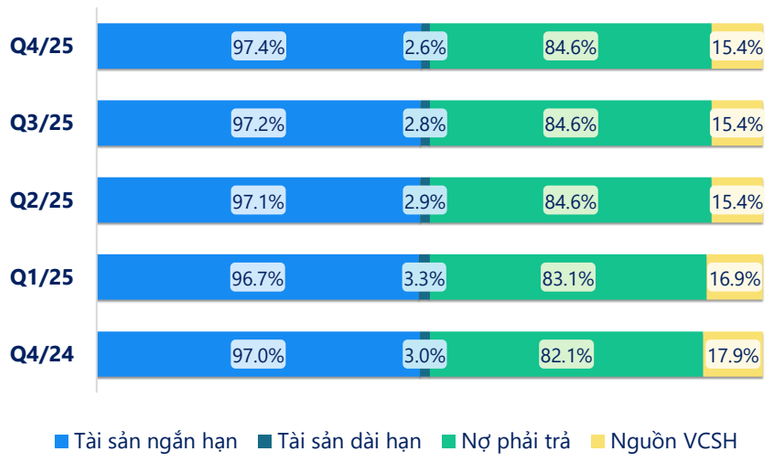
FireAnt

CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,100
SL cổ phiếu LH	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,455
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	232
P/E	5.6
EPS	2,744

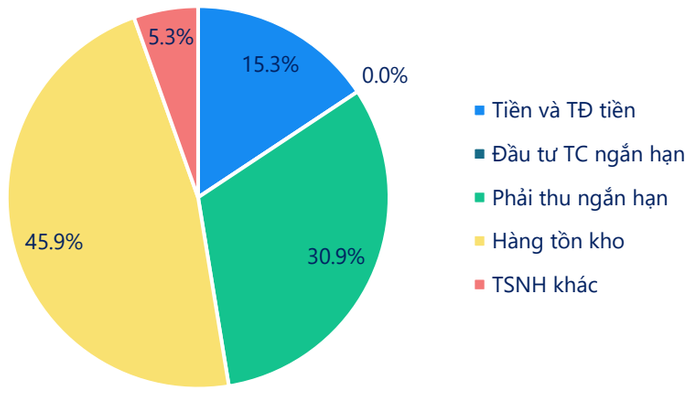
	YTD	1T	3T	6T
SC5	-31.0%	-0.6%	-4.6%	-6.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

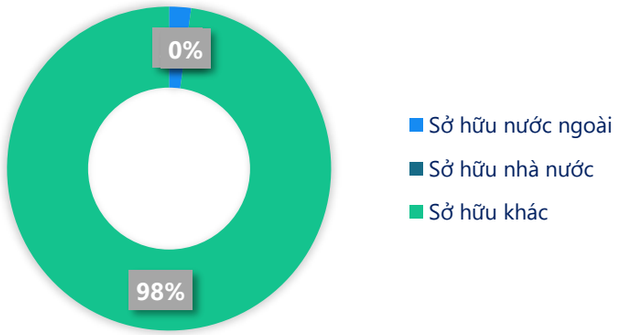
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

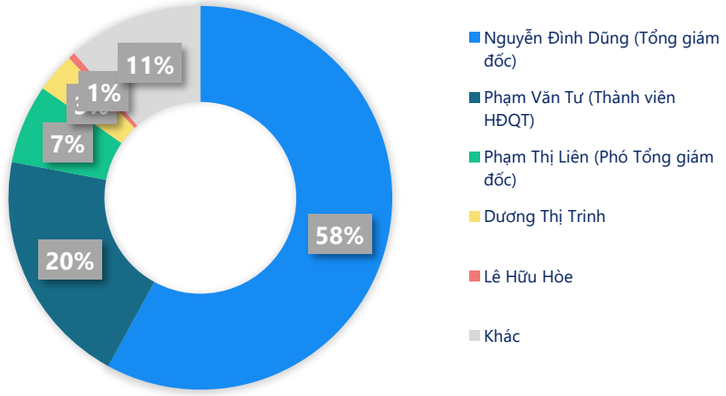
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



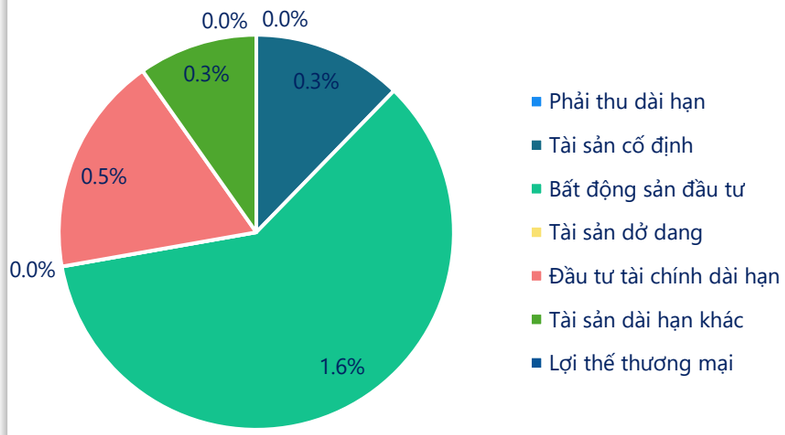
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



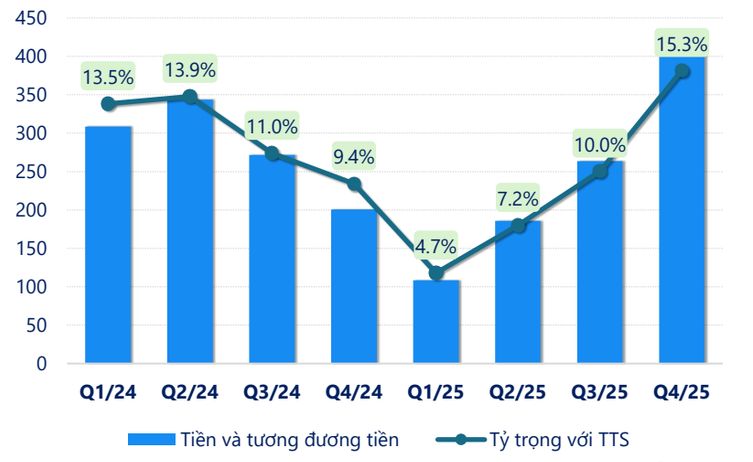
Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

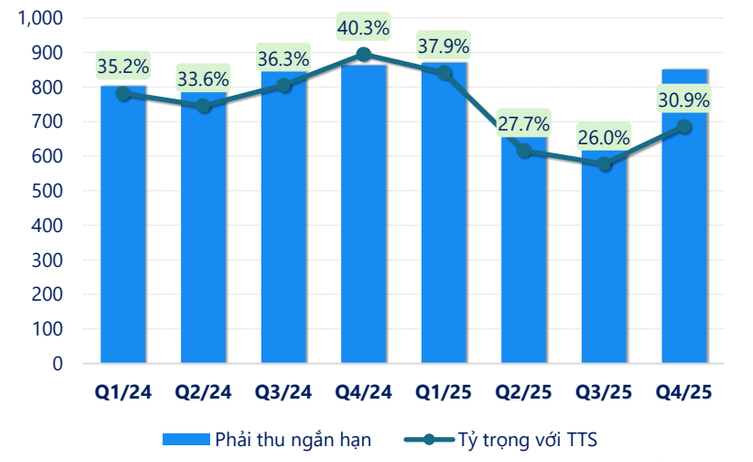
CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

Tiền và tương đương tiền



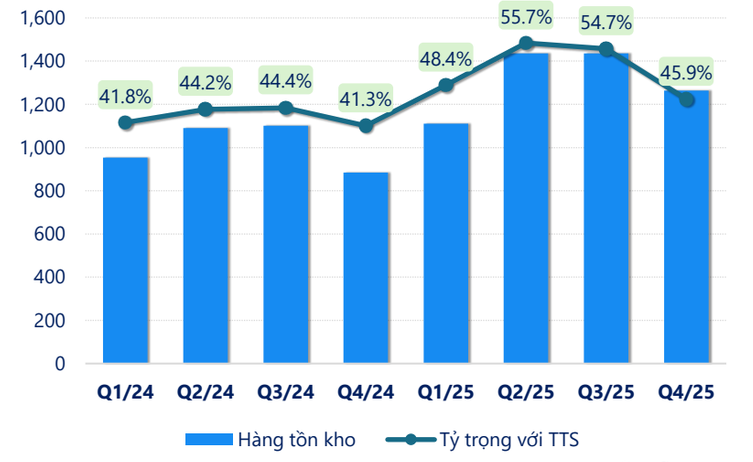
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



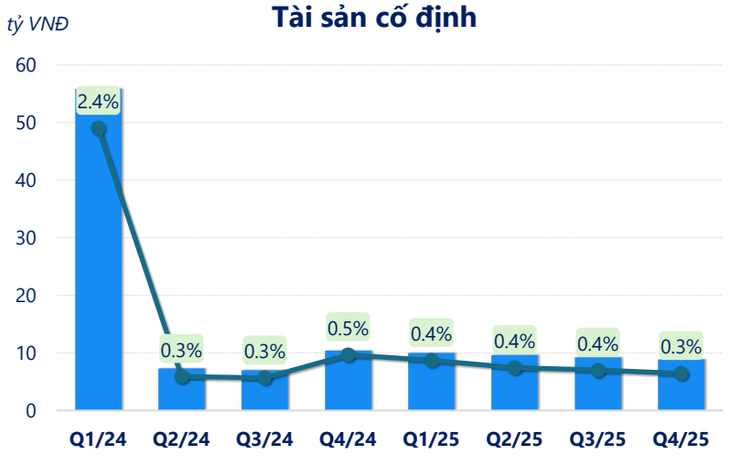
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



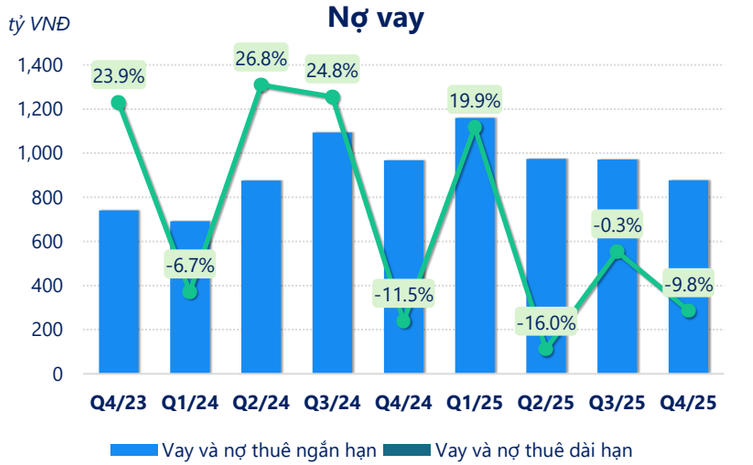
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



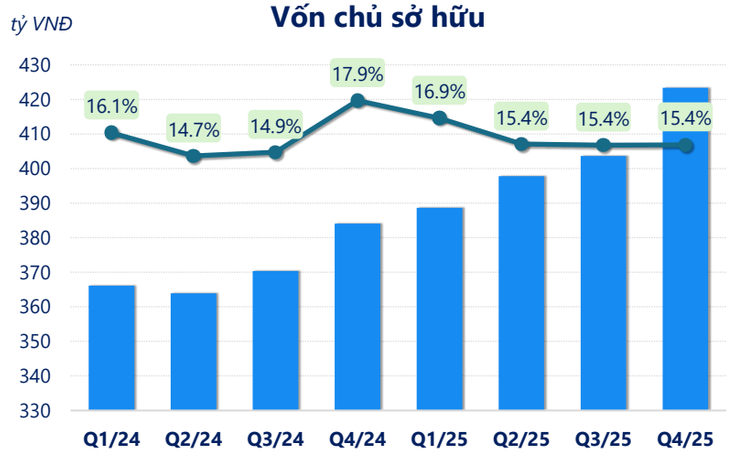
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

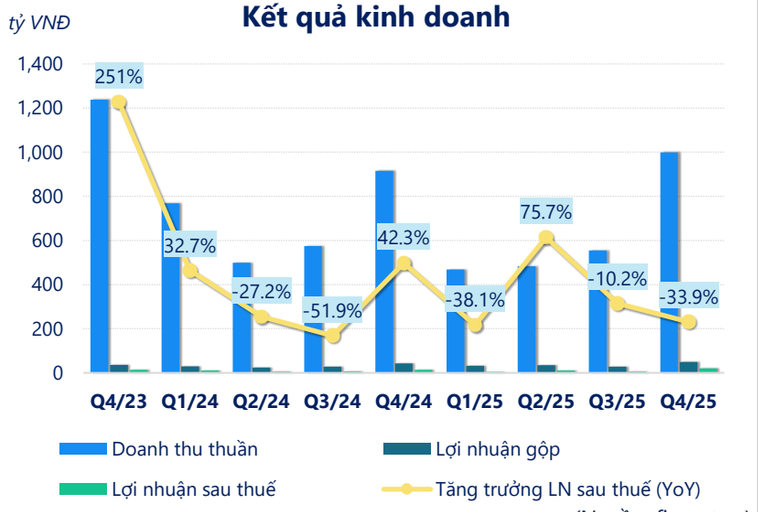
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

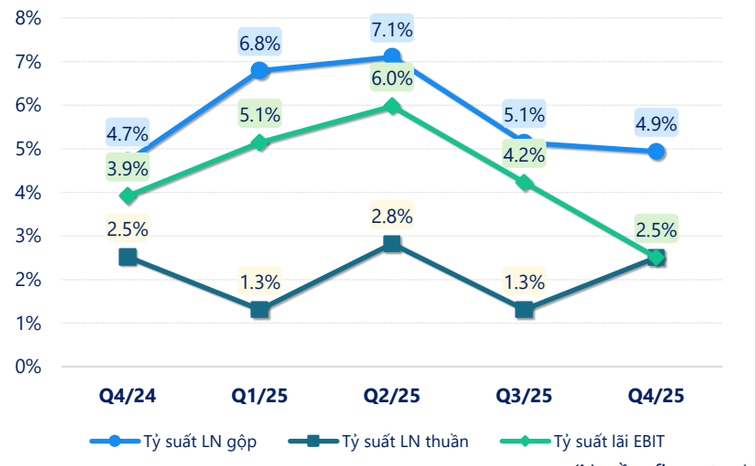
CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

Kết quả kinh doanh



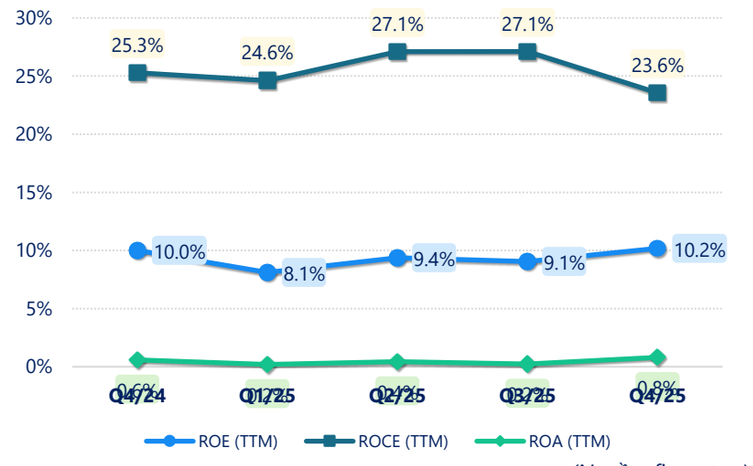
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



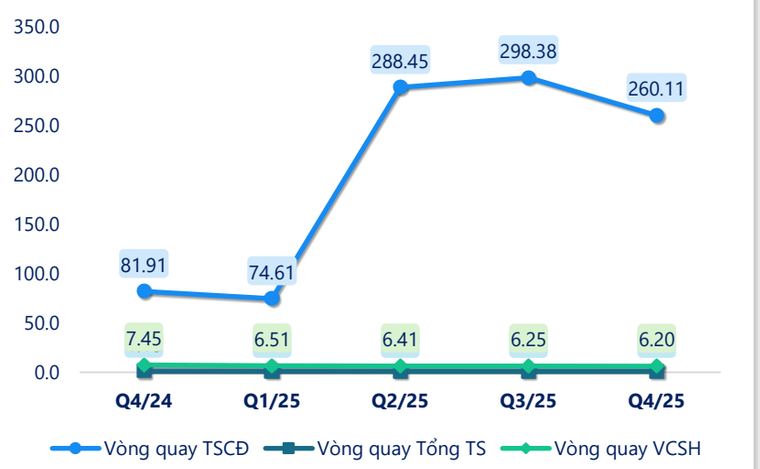
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



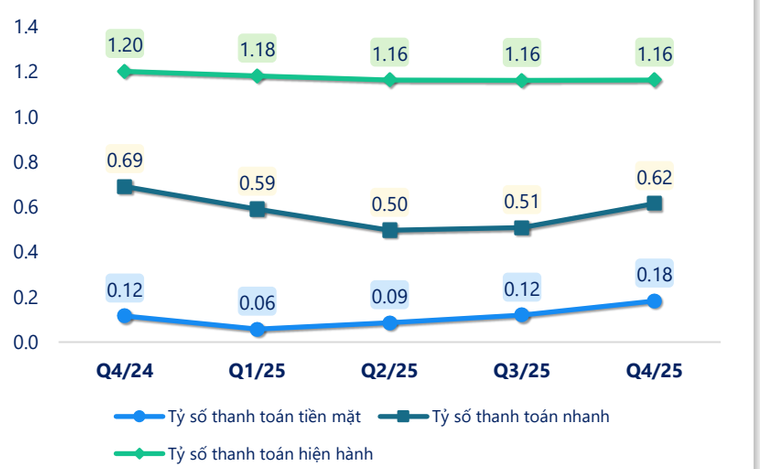
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



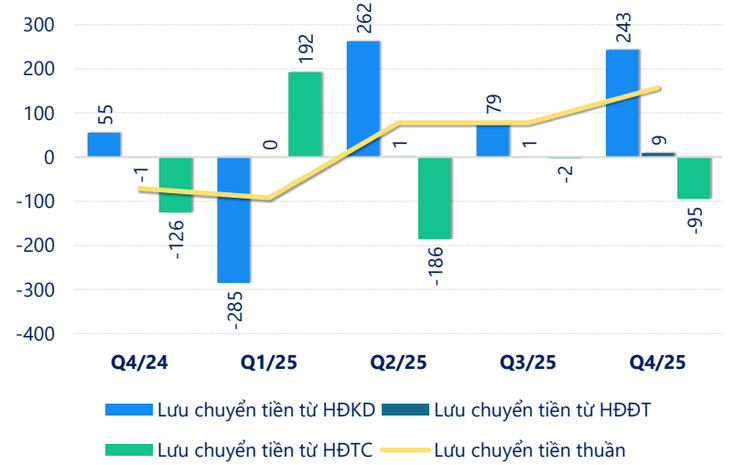
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng số 5 (HSX: SC5)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,753**	**2,141**	**28.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,681	2,063	29.9%
Tiền và tương đương tiền	420	201	110%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.31	-100%
Phải thu ngắn hạn	851	862	-1.3%
Hàng tồn kho	1,263	884	42.9%
Tài sản ngắn hạn khác	146	109	34.1%
Tài sản dài hạn	**72.3**	**78.1**	**-7.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.87	10.4	-14.5%
Bất động sản đầu tư	43.3	46.1	-6.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.06**	**8.54**	**-17.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,330	1,757	32.6%
Nợ ngắn hạn	**2,305**	**1,729**	**33.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	877	967	-9.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	517	489	5.7%
Nợ dài hạn	25.0	28.3	-11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**423**	**384**	**10.2%**
Vốn chủ sở hữu	**423**	**384**	**10.2%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	915	468	483	554	999
Giá vốn hàng bán	872	436	449	526	950
Lợi nhuận gộp	43.1	31.8	34.3	28.5	49.3
Doanh thu HĐTC	3.11	0.35	1.20	0.78	1.77
Chi phí TC	14.1	17.9	15.2	16.2	17.4
Chi phí lãi vay	14.1	17.9	15.2	16.2	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.14	0.07	0.00	0.00	0
Chi phí QLDN	8.90	8.00	6.64	5.83	8.62
LN thuần từ HĐKD	23.1	6.15	13.6	7.27	25.0
Lợi nhuận khác	-1.39	0.02	0	0	0
LN trước thuế	21.7	6.16	13.6	7.27	25.0
Lợi nhuận sau thuế	13.7	4.54	11.0	5.82	19.7
LNST của CĐ cty mẹ	13.7	4.54	11.0	5.82	19.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	55.4	-285	262	79.3	243
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.67	0.35	1.20	0.78	9.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-126	192	-186	-2.46	-95.0
Tiền đầu kỳ	271	201	108	186	263
Lưu chuyển tiền thuần	**-70.8**	**-92.3**	**77.4**	**77.7**	**157**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	201	108	186	263	420

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic